

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2021

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi  
con chung, chia tài sản chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Thạch Huỳnh Liêm

***Các Hội thẩm nhân dân:***

- Bà Nguyễn Thị Diệu Trang
- Ông Nguyễn Hữu Phước

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:***  
Không tham dự.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 121/2021/TLST-HN ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2021/QĐST-HN ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** chị Trang Thị Mỹ X, sinh năm 1993

***Địa chỉ:*** ấp Đ, xã Tr, huyện V, tỉnh V.

***Bị đơn:*** anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991

***Địa chỉ:*** ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11-01-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng chị Trang Thị Mỹ X trình bày:* Tôi với anh Nguyễn Văn Th quen biết nhau do mai mối được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 03/12/2015. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc bên nhà chồng. Đến 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chồng hay xúc phạm tôi và cha mẹ ruột tôi không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn lại được. Nay tôi yêu cầu xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 15/02/2017 hiện đang sống với tôi. Sau khi ly hôn, tôi xin được tiếp tục nuôi con, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Nữ trang cưới gồm có 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24Kra, 01 lắc 04 chỉ vàng 24Kra và 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24Kra. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được hưởng toàn bộ số nữ trang 10 chỉ vàng 24 Kra.

Về nợ chung, về người khác nợ vợ chồng: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 29/3/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:* Anh với chị Trang Thị Mỹ X quen biết nhau do mai mối được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 03/12/2015. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc bên nhà chồng. Đến 2015 thì vợ bỏ về nhà mẹ ruột không biết lý do gì và anh có nhiều lần kêu vợ về nhưng vợ không về. Nay vợ anh yêu cầu xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 15/02/2017 hiện đang sống với vợ. Nếu ly hôn anh đồng ý cho chị X được tiếp tục nuôi con, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Nữ trang cưới gồm có 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24Kra, 01 lắc 04 chỉ vàng 24Kra và 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24Kra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn anh đồng ý cho chị X được tiếp tục sử dụng số vàng trên để nuôi con.

Về nợ chung, về người khác nợ vợ chồng: không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Căn cứ Bản sao trích lục Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 03/12/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T cấp cho chị Trang Thị Mỹ X với anh Nguyễn Văn Th đã xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Yêu cầu xin ly hôn của chị Trang Thị Mỹ X với anh Nguyễn Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh T. Xác định là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Càng Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ngày 29/3/2021 Tòa án tiến hành hòa giải nhằm mục đích cho chị X với anh Th hàn gắn lại tình cảm đôi bên nhưng chị X cương quyết xin ly hôn với anh Th lý do anh Th thường hay xúc phạm chị và cha mẹ ruột nên vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn lại được nên chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2017 đến nay. Đối với anh Th thì cho rằng năm 2017 vợ bỏ về nhà mẹ ruột không biết lý do gì và anh có nhiều lần kêu vợ về nhưng vợ không về nên anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con. Do đó, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên về nhà một thời gian để hàn gắn lại nhưng đến nay anh Th và chị X cũng không hàn gắn tình cảm lại được với nhau và chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Th. Thấy rằng, từ năm 2017 đến nay vợ chồng anh Th, chị X có sự rạn nứt về tình cảm, từ đó dẫn đến thân ai nấy sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình tố tụng, anh Th đã được Tòa án triệu tập để Tòa án giải quyết mục đích nhằm hàn gắn cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Th không đến Tòa án xem như anh Th từ bỏ không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh Th với chị X; do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân của chị X, anh Th thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Từ những nguyên nhân mâu thuẫn trên, việc yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh Th, chị X có 01 người con Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 15/02/2017 hiện đang sống với chị X. Tại phiên hòa giải ngày 29/3/2021 chị X với anh Th thống nhất nếu ly hôn, anh Th đồng ý cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, sau khi ly hôn giao cho chị X được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung sẽ đảm bảo về mặt tâm, sinh lý và sinh hoạt, học tập của con tốt hơn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Sau khi Hội đồng xét xử giải thích quyền lợi của người nuôi con nhưng chị X không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nữ trang cưới gồm có 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24Kra, 01 lắc 04 chỉ vàng 24Kra và 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24Kra hiện nay do chị X đang quản lý có giá trị bằng tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là 5.185.000 đồng/chỉ x 10 chỉ vàng 24Kra là 51.850.000 đồng, chị X yêu cầu được sở hữu số vàng này. Tại phiên hòa giải ngày 29/3/2021 chị X với anh Th thống nhất nếu ly hôn, anh Th đồng ý cho chị X được sở hữu tất cả số nữ trang trên không yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các bên.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, 51, 54, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Trang Thị Mỹ X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trang Thị Mỹ X được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th. Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 03/12/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T cấp cho chị Trang Thị Mỹ X với anh Nguyễn Văn Th không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Trang Thị Mỹ X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 15/02/2017.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trang Thị Mỹ X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Văn Th được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về chia tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Trang Thị Mỹ X với anh Nguyễn Văn Th cho chị X được quyền sở hữu nữ trang cưới gồm có 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24Kra, 01 lắc 04 chỉ vàng 24Kra và 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24Kra có giá trị bằng tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là 51.850.000 đồng (Năm mươi một triệu tám trăm năm chục ngàn đồng).

5. Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Chị Trang Thị Mỹ X với anh Nguyễn Văn Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

6. Về án phí: Chị Trang Thị Mỹ X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí chia tài sản chung 2.592.500 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004200 và số tiền tạm ứng án phí 1.350.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004217 cùng ngày 04/03/2021 mà chị X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long. Do đó, chị X còn phải nộp tiếp 1.242.500 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Trang Thị Mỹ X, anh Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Huỳnh Liêm**